**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NỘI DUNG BÀI HỌC SINH HỌC LỚP 9- HKII**

**BÀI 39: THỰC HÀNH**

**TÌM HIỂU THÀNH TỰU CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI VÀ CÂY TRỒNG**

**(Học sinh tự thực hiện)**

**PHẦN II: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CHƯƠNG I: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**BÀI 41: MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI**

**I. Môi trường sống của sinh vật:**

- Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên sự sống, phát triển và sinh sản của sinh vật.

- Có 4 loại môi trường chủ yếu:

+ Môi trường nước.

+ Môi trường trên mặt đất – không khí.

+ Môi trường trong đất.

+ Môi trường sinh vật.

**II. Các nhân tố sinh thái của môi trường:**

- Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.

- Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm:

\* **Nhân tố vô sinh:** ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, gió, đất, nước, địa hình...

\* **Nhân tố hữu sinh:**

- Nhân tố sinh vật: VSV, nấm, động vật, thực vật,

- Nhân tố con người: tác động tích cực: cải tạo, nuôi dưỡng, lai ghép.... tác động tiêu cực: săn bắn, đốt phá làm cháy rừng...

- Các nhân tố sinh thái tác động lên sinh vật thay theo từng môi trường và thời gian.

**III. Giới hạn sinh thái:**

- Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với 1 nhân tố sinh thái nhất định.

- Mỗi loài, cá thể đều có giới hạn sinh thái riêng đối với từng nhân tố sinh thái. Sinh vật có giới hạn sinh thái rộng phân bố rộng, dễ thích nghi.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Môi trường là gì? Phân biệt nhân tố sinh thái

2. Thế nào là giới hạn sinh thái? Cho VD?

**BÀI 42: ẢNH HƯỞNG CỦA ÁNH SÁNG LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT**

 **I. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật:**

- Ánh sáng có ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm thay đổi đặc điểm hình thái, sinh lí (quang hợp, hô hấp, thoát hơi nước) của thực vật.

- Nhu cầu về ánh sáng của các loài không giống nhau:

+ Nhóm cây ưa sáng: gồm những cây sống nơi quang đãng.

+ Nhóm cây ưa bóng; gồm những cây sống nơi ánh sáng yếu, dưới tán cây khác

**II. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống của động vật:**

- Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống động vật:

+ Tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển trong không gian.

+ Giúp động vật điều hoà thân nhiệt.

+ Ảnh hưởng tới hoạt động, khả năng sinh sản và sinh trưởng của động vật.

- Động vật thích nghi điều kiện chiếu sáng khác nhau, người ta chia thành 2 nhóm động vật:

+ Nhóm động vật ưa sáng: gồm động vật hoạt động ban ngày.

+ Nhóm động vật ưa tối: gồm động vật hoạt động ban đêm, sống trong hang, đất hay đáy biển

**Câu hỏi ôn tập**

1. Ánh sáng có ảnh hưởng tới đặc điểm nào của thực vật?

2. Trong chăn nuôi người ta có biện pháp kĩ thuật gì để gà, vịt đẻ nhiều trứng?

**BÀI 43. ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT**

**I. Ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật:**

- Nhiệt độ môi trường đã ảnh hưởng tới hình thái, hoạt động sinh lí, tập tính của sinh vật.

- Đa số các loài sống trong phạm vi nhiệt độ 0-oC. Tuy nhiên cũng có 1 số sinh vật nhờ khả năng thích nghi cao nên có thể sống ở nhiệt độ rất thấp hoặc rất cao.

- Sinh vật được chia 2 nhóm:

+ Sinh vật biến nhiệt

+ Sinh vật hằng nhiệt.

**II. Ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống của sinh vật:**

- Động vật và thực vật đều mang nhiều đặc điểm sinh thía thích nghi với môi trường có độ ẩm khác nhau.

- Thực vật chia 2 nhóm:

+ Nhóm ưa ẩm (SGK).

+ Nhóm chịu hạn (SGK).

- Động vật chia 2 nhóm:

+ Nhóm ưa ẩm (SGK).

+ Nhóm ưa khô (SGK).

**Câu hỏi ôn tập**:

1. Nhiệt độ của môi trường có ảnh hưởng tới đặc điểm tới đặc điểm hinh thái và sinh lí của thực vật như thế nào? Cho VD minh hoạ?
2. Tập tính của động vật và thực vật phụ thuộc vào nhân tố sinh thái nào?

**BÀI 44: ẢNH HƯỞNG LẪN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT**

**I. Quan hệ cùng loài:**

- Các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau hình thành nên nhóm cá thể.

- Trong 1 nhóm có những mối quan hệ:

+ Hỗ trợ; sinh vật được bảo vệ tốt hơn, kiếm được nhiều thức ăn.

+ Cạnh tranh: ngăn ngừa gia tăng số lượng cá thể và sự cạn kiệt thức ăn ⭢ 1 số tách khỏi nhóm.

**II. Quan hệ khác loài:**

- Bảng 44 SGK trang 132.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Trong thiên nhiên, động vật sống thành bầy, đàn có lợi gì? Đây thuộc loại quan hệ gì?
2. Số lượng các cá thể của loài ở mức độ nào thì giữa các cá thể cùng loài có quan hệ hỗ trợ?

**BÀI 45-46: THỰC HÀNH**

**TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ NHÂN TỐ SINH THÁI LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT**

**(Học sinh tự thực hiện)**

**CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI**

**BÀI 47: QUẦN THỂ SINH VẬT**

**I. Thế nào là một quần thể sinh vật?**

- Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong khoảng

 không gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

**II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể:**

**1. Tỉ lệ giới tính:**

- Tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực với cá thể cái.

**2. Thành phần nhóm tuổi:**

**3. Mật độ quần thể:**

- Mật độ quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong 1 đơn vị diện tích hay thể tích

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Thế nào là 1 quần thể sinh vật?
2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể là gì?

**BÀI 48: QUẦN THỂ NGƯỜI**

**I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác:**

- Quần thể người có đặc trưng sinh học chư những quần thể sinh vật khác, đó là đặc điểm giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản, tử vong.

- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác ở những đặc điểm như: pháp luật, chế độ hôn nhân, văn hoá, giáo dục, kinh tế...

- Sự khác nhau đó là do con người có lao động và tư duy nên có khả năng tự điều chỉnh các đặc điểm sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

**II. Đặc điểm về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người:**

**Học sinh tự đọc**

**III. Tăng dân số và phát triển xã hội:**

- Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong.

\* Tăng dân số tự nhiên + số người nhập cư – số người di cư = Tăng dân số thực.

- Khi dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn nước uống, ô nhiễm môi trường, tăng chặt phá từng và các tài nguyên khác.

- Hiện nay Việt Nam đang thực hiện pháp lệnh dân số nhằm mục đích đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Mỗi con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hoà với sự phát triển kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường đất nước.

=> Những đặc trưng và tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, sự tăng giảm dân số ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống, con người và chính sách kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Ở Việt Nam đã có biện pháp gì để giảm sự gia tăng dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống?
2. Quần thể người khác với quần thể sinh vật khác ở những đặc trưng nào? do đâu có sự khác nhau đó?

**Bài 49: QUẦN XÃ SINH VẬT**

**I. Thế nào là một quần xã sinh vật :**

- Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau.

**II. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã:**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng.

**III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã**

- Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã tạo nên sự thay đổi theo chu kì: chu kì ngày đêm, chu kì mùa.

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn đến số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và số lượng cá thể luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Khống chế sinh học làm cho số lượng cá thể của mỗi quần thể dao động quanh vị trí cân bằng, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Quần xã sinh vật khác quần thể sinh vật như thế nào?

2. Ý nghĩa sinh học của hiện tượng khống chế sinh học?

**Bài 50: HỆ SINH THÁI**

***I. Thế nào là một hệ sinh thái :***

- Hệ sinh thái bào gồm quần xã và khu vực sống của quần xã (gọi là sinh cảnh).

- Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động qua lại với nhau và tác động với nhân tố vô sinh của môi trường 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Một hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:

+ Nhân tố vô sinh

+ Nhân tố hữu sinh: Sinh vật sản xuất

Sinh vật tiêu thụ: bậc 1, bậc 2, bậc 3...

Sinh vật phân huỷ.

***II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn:***

***1.Chuỗi thức ăn:***

 - Chuỗi thức ăn là 1 dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài sinh vật trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

***2. Lưới thức ăn:***

- Các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành 1 lưới thức ăn.

- Lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm 3 thành phần: SV sản xuất, Sv tiêu thụ, SV phân huỷ

**Câu hỏi ôn tập:**

Viết sơ đồ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong hệ sinh thái ruộng nước

**BÀI 51 + 52: THỰC HÀNH: HỆ SINH THÁI**

**(Học sinh tự thực hiện)**

**CHƯƠNG III: CON NGƯỜI – DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Bài 53: TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI**

**ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG**

***I. Tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội:***

\* Tác động của con người:

- Thời nguyên thuỷ: con người đốt rừng, đào hố săn bắt thú dữ ⭢ giảm diện tích rừng.

- Xã hội nông nghiệp:

+ Trồng trọt, chăn nuôi, chặt phá rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc.

+ Cày xới đất canh tác làm thay đổi đất, nước tầng mặt làm cho nhiều vùng bị khô cằn và suy giảm độ màu mỡ.

+ Con người định cư và hình thành các khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp.

+ Nhiều giống vật nuôi, cây trồng hình thành.

- Xã hội công nghiệp:

+ Xây dựng nhiều khu công nghiệp, khai thác tài nguyên bừa bãi làm chodiện tích đất càng thu hẹp, rác thải lớn.

+ Sản xuất nhiều loại phân bón, thuốc trừ sâu bảo vệ thực vật làm cho sản lượng lương thực tăng, khống chế dịch bệnh, nhưng cũng gây ra hậu quả lớn cho môi trường.

+ Nhiều giống vật nuôi, cây trồng quý.

***II. Tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên:***

- Nhiều hoạt động của con người đã gây hậu quả rất xấu: mất cân bằng sinh thái, xói mòn và thoái hoá đất, ô nhiễm môi trường, cháy rừng, hạn hán, ảnh hưởng đến mạch nước ngầm, nhiều loài sinh vật có nguy cơ bị tuyệt chủng.

***III. Vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên***

- Con người đã và đang nỗ lực để bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên bằng các biện pháp:

+ Hạn chế phát triển dân số quá nhanh.

+ Sử dụng có hiệu quả các nguồn tai fnguyên.

+ Bảo vệ các loài sinh vật.

+ Phục hồi và trồng rừng.

+ Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm.

+ Lai tạo giống có năng xuất và phẩm chất tốt.

**Câu hỏi ôn tập:**

Trình bày nguyên nhân dẫn đến suy thoái môi trường do hoạt động của con người (Bảng 53.1) trong đó nhấn mạnh tới việc tàn phá thảm thực vật và khai thác quá mức tài nguyên?

**BÀI 54: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

***I. Ô nhiễm môi trường là gì?***

- Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn, đồng thời các tính chất vật lí, hoá học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác.

- Ô nhiễm môi trường do:

+ Hoạt động của con người.

+ Hoạt động của tự nhiên: núi lửa phun nham thạch, xác sinh vật thối rữa...

***II. Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm:***

*1. Ô nhiễm do các chất khí thải ra từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt:*

- Các khí thải độc hại cho cơ thể sinh vật: CO; CO2; SO2; NO2... bụi do quá trình đốt cháy nhiên liệu từ các hoạt động: giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, đun nấu sinh hoạt...

*2. Ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học:*

- Các hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học thường tích tụ trong đất, ao hồ nước ngọt, đại dương và phát tán trong không khí, bám và ngấm vào cơ thể sinh vật.

- Con đường phát tán:

+ Hoá chất (dạng hơi) ⭢ nước mưa ⭢ đất (tích tụ) ⭢ Ô nhiễm mạch nước ngầm.

+ Hoá chất ⭢ nước mưa ⭢ ao hồ, sông, biển (tích tụ) ⭢ bốc hơi vào không khí.

+ Hoá chất còn bám và ngấm vào cơ thể sinh vật.

*3. Ô nhiễm do các chất phóng xạ:*

- Các chất phóng xạ từ chất thải của công trường khai thác, chất phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử, thử vũ khí hạt nhân...

- Gây đột biến ở người và sinh vật, gây một số bệnh di truyền và ung thư.

*4. Ô nhiễm do các chất thải rắn:*

- Chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường: đồ nhựa, giấy vụn, cao su, rác thải, bông kim y tế...

*5. Ô nhiễm do sinh vật gây bệnh:*

- Sinh vật gây bệnh có nguồn gốc từ chất thải không được thu gom và xử lí: phân, rác, nước thải sinh hoạt, xác chết sinh vật, rác thải từ bệnh viện...

- Sinh vật gây bệnh vào cơ thể người gây bệnh do ăn uống không giữ vệ sinh, vệ sinh môi trường kém...

**Câu hỏi ôn tập:**

Tìm hiểu tình hình ô nhiễm môi trường, nguyên nhân và những công việc mà con người đã và đang làm để hạn chế ô nhiễm môi trường.

**Bài 55: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)**

**(Học sinh tự đọc)**

**BÀI 56 - 57: THỰC HÀNH**

**TÌM HIỂU TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**(Học sinh tự đọc)**

**CHƯƠNG IV: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Bài 58: SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

***I. Các dạng tài nguyên chủ yếu:***

- Có 3 dạng tài nguyên thiên nhiên:

+ Tài nguyên tái sinh: khi sử dụng hợp lí sẽ có khả năng phục hồi (tài nguyên sinh vật, đất, nước...)

+ Tài nguyên không tái sinh là dạng tài nguyên qua 1 thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt (than đá, dầu mỏ...)

+ Tài nguyên vĩnh cửu: là tài nguyên sử dụng mãi mãi, không gây ô nhiễm môi trường (năng lượng mặt trời, gió, sóng...)

***II. Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên:***

*1. Sử dụng hợp lí tài nguyên đất:*

- Vai trò của đất: SGK.

- Nguồn tài nguyên đất đang bị suy thoái do xói mòn, rửa trôi, nhiễm mặn, bạc màu, ô nhiễm...

- Cách sử dụng hợp lí: chống xói mòn, chống khô hạn, chống nhiêm xmặn.. và nâng cao độ phì nhiêu của đất.

- Biện pháp: Thuỷ lợi, kĩ thuật làm đất, bón phân, chế độ canh tác... đặc biệt là trồng cây, gây rừng nhất là rừng đầu nguồn.

*2. Sử dụng hợp lí tài nguyên nước:*

- Nước là một nhu cầu không thể thiếu của tất cả các sinh vật trên trái đất.

- Nguồn tài nguyên nước đang bị ô nhiễm và có nguy cơ cạn kiệt.

- Cách sử dụng hợp lí: khơi thông dòng chảy, không xả rác thải công nghiệp và sinh hoạt xuống sông, hồ, ao, biển.. tiết kiệm nguồn nước.

*3. Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng:*

- Vai trò của rừng :SGK

- Hậu quả của việc chặt phá và đốt rừng làm cạn kiệt nguồn nước, xói mòn, ảnh hưởng tới khí hậu do lượng nước bốc hơi ít....

- Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng: khai thác hợp lí kết hợp với trồng rừng và bảo vệ rừng. Thành lập khu bảo tồn thiên nhiên.

**BÀI 59: KHÔI PHỤC MÔI TRƯỜNG**

**VÀ GIỮ GÌN THIÊN NHIÊN HOANG DÃ**

***I. Ý nghĩa của việc khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã:***

- Môi trường đang bị suy thoái.

- Gìn giữ thiên nhiên hoang dã là bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng tránh ô nhiễm môi trường, luc lụt, hạn hán, ... góp phần giữ cân bằng sinh thái.

***II. Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên:***

*1. Bảo vệ tài nguyên sinh vật*

- SGK trang 178.

*2. Cải tạo các hệ sinh thái bị thoái hoá*

Bảng 59 đã hoàn thành.

***III. Vai trò của học sinh trong việc thiên nhiên hoang dã:***

**Học sinh tự trả lời**

**BÀI 60: BẢO VỆ ĐA DẠNG CÁC HỆ SINH THÁI**

***I. Sự đa dạng của các hệ sinh thái:***

- Có 3 hệ sinh thái chủ yếu:

+ Hệ sinh thái trên cạn: rừng, thảo nguyên, savan...

+ Hệ sinh thái nước mặn: rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng biển khơi...

+ Hệ sinh thái nước ngọt: ao, hồ, sông, suối....

***II. Bảo vệ các hệ sinh thái:***

***1. Bảo vệ hệ sinh thái rừng***

- Xây dựng kế hoạch để khai thác nguồn tài nguyên rừng hợp lí để hạn chế mức độ khai thác, không khai thác quá mức làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.

- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia để giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ nguồn gen.

- Trồng rừng góp phần khôi phục các hệ sinh thái bị thoái hoá, chống xói mòn đất, tăng nguồn nước...

- Phòng cháy rừng ⭢ bảo vệ rừng.

- Vận động định canh, định cư để bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Phát triển dân số hợp lí, giảm áp lực sử dụng tài nguyên rừng.

- Tuyên truyền bảo vệ rừng, toàn dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

***2. Bảo vệ hệ sinh thái biển***

- Bảo vệ bãi cát biển (nơi rùa đẻ trứng) và vận động người dân không đánh bắt rùa biển.

- Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có và trồng lại rừng đã bị chặt phá.

- Xử lí nước thải trước khi đổ ra sông, biển.

- Làm sạch bãi biển và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

***3. Bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp***

- Các hệ sinh thái nông nghiệp chủ yếu ở Việt Nam (Bảng 60.4).

- Bảo vệ:

+ Duy trì hệ sinh thái nông nghiệp chủ yếu.

+ Cải tạo các hệ sinh thái để đạt năng suất và hiệu quả cao.

**BÀI 61: LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

***I. Sự cần thiết ban hành luật:***

- Luật bảo vệ môi trường nhằm ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu của con người và hitên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.

- Luật bảo vệ môi trường điều chỉnh việc khai thác, sử dụng các thành phần môi trường hợp lí để phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

***của luật bảo vệ môi trường:***

 1. Phòng chống suy thoái; ô nhiễm và sự cố môi trường (chương II)

2. Khắc phục suy thoái; ô nhiễm và sự cố môi trường (chương III)

- Kết luận SGK.

***III. Trách nhiệm của mỗi người trong việc chấp hành luật bảo vệ môi trường:***

- Mỗi người dân phải hiểu và nắm vững luật bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền để mọi người thực hiện tốt luật bảo vệ môi trường.